

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 06: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân năm 2023 - 2024 với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá : Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá :

- Họ và tên : Lê Tiến Dũng

- Chức vụ : Trưởng khoa Dược

- Số điện thoại : 0912.448.850

- Địa chỉ email : [benhvientx@gmail.com](mailto:benhvientx@gmail.com) hoặc [letiendung1022@gmail.com](mailto:letiendung1022@gmail.com)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ : Lê Tiến Dũng – 0912.448.850 \_ Khoa Dược - Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân.

- Nhận qua email : [benhvientx@gmail.com](mailto:benhvientx@gmail.com) hoặc [letiendung1022@gmail.com](mailto:letiendung1022@gmail.com)

4. Thời gian tiếp nhận báo giá : từ 08h ngày 01 tháng 11 năm 2023 đến trước 17h ngày 13 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá : Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2023.



## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

### 1. Danh mục vật tư cần báo giá:

STT	Mã VT	Tên vật tư mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú	
		<b>Nhóm 1. Băng, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương</b>					
		<b>1.1 Băng</b>					
1	VT1.1_1	Tấm bông vô trùng lấy mẫu	Que tăm bông dùng lấy mẫu bệnh phẩm. Chất liệu bông y tế. Tấm bông được đóng gói vô trùng riêng biệt từng cái.	chiếc	500		
		<b>1.2 Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương</b>					
2	VT1.2_1	Dung dịch tẩy khuẩn màng lọc	Dung dịch làm sạch và khử trùng quả lọc thận nhân tạo. Thành phần chính: Acid Peracetic, Hydrogen peroxid, Acid acetic.	Can	50		
3	VT1.2_2	Dung dịch cồn rửa tay khử khuẩn	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh chứa thành phần: Hoạt chất: Ethanol, Isopropanol, Chlorhexidine digluconate..v.v. Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... pH nằm trong khoảng 6-8	chai	200		
4	VT1.2_3	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Thành phần chính: Chlorhexidine Digluconate khoảng 4% (kl/kl). pH nằm trong khoảng 5-8	chai	200		
5	VT1.2_4	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ.	- Chứa các enzyme nồng độ cao phân giải protein để làm sạch hiệu quả các dụng cụ bám bẩn - Không gây hại cho dụng cụ & ít bọt; Dung dịch tẩy rửa có hoạt tính enzym làm sạch dụng cụ y tế bằng cách phá hủy các vết máu, protein từ các dụng cụ và thiết bị trước khi đem đi khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn.	chai	200		
6	VT1.2_5	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ mức độ cao.	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế chứa thành phần Glutaraldehyde, hệ đệm pH= 5-6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh: diệt được Vi khuẩn; Nấm, mốc; Mycobacterium (Trực khuẩn lao). Thời gian sử dụng sau mở nắp: Tối thiểu 30 ngày Không ăn mòn dụng cụ y tế, không có chất hoạt động bề mặt.	can	20		
7	VT1.2_6	Dung dịch đa Enzym làm sạch dụng cụ y tế.	- Chứa các enzyme nồng độ cao phân giải protein để làm sạch hiệu quả các dụng cụ bám bẩn	chai	20		
8	VT1.2_7	Dung dịch khử nhiễm và làm sạch dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và dụng cụ nội soi	Thành phần chính: Didecyl dimethyl ammonium chloride + Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic. Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng, pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: khoảng 5 phút Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia	Lit	20		



STT	Mã VT	Tên vật tư mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú	
9	VT1.2_8	Tiệt khuẩn lạnh cho ống nội soi và dụng cụ y tế	Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde, không mùi, pH=6-7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Tái sử dụng trong 14 ngày	Lít	5		
10	VT1.2_9	Viên sát khuẩn	Thành phần: Natri Troclosene (Natri Dichloroisocyanurate) Tác dụng: Khử khuẩn các bề mặt, đồ vật và các thiết bị phòng để, phòng bệnh, phòng mổ, các lobo xét nghiệm và trong khử khuẩn bệnh viện nói chung	Viên	6.000		
11	VT1.2_10	Oxy già 30%	Thành phần: hydrogen peroxide 30%	lít	50		
		<b>Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương</b>					
		<b>2.2 Băng dính</b>					
12	VT2.2_1	Miếng dán mi nhỏ	Lớp film Polyurethane trong suốt chống thấm nước, chống vi khuẩn và virus, dễ dàng theo dõi liên tục vùng tiêm và vùng cố định. - Nền keo Acrylate, độ dính tốt, hạn chế kích ứng da và không sót keo khi tháo băng. - Kích thước: 6 cm x 7 cm.	Cái	200		
		<b>2.3 Gạc, băng gạc điều trị các vết thương</b>					
13	VT2.3_1	Bông y tế 2cm x 2cm	Sản phẩm được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Bông được cắt thành miếng nhỏ kích thước 2cm x 2cm đồng đều về kích thước và trọng lượng. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Được đóng kín trong bao PE in đầy đủ thông tin về sản phẩm. Sản phẩm đã được tiệt trùng	gói	20.000		
14	VT2.3_2	Bông viên vô trùng	Được sản xuất từ bông xơ tự nhiên màu trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị to và có độ thấm hút rất cao, không lẫn tạp chất, không có độc tố và không gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng - Sản phẩm chưa tiệt trùng.	kg	2.000		
15	VT2.3_3	Bông gạc đắp vết thương 6cmx15cm, vô trùng	Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	Miếng	20.000		
16	VT2.3_4	Bông gạc đắp vết thương 6cmx20cm, vô trùng	Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	Miếng	5.000		



STT	Mã VT	Tên vật tư mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
17	VT2.3_5	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cmx40cmx8 lớp, vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	Miếng	40.000	
18	VT2.3_6	Gạc thận nhân tạo 3,5x4,5x80 lớp, vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	Miếng	40.000	
<b>Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh</b>						
<b>3.1 Bơm tiêm</b>						
19	VT3.1_1	Bơm tiêm Insulin 1ml	Bơm tiêm Insulin dung tích 1ml chia vạch theo đơn vị 100UI hoặc 40UI. Bơm tiêm được làm bằng nhựa Polypropylen, không có chất DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Cỡ kim 27G, 29G, 30G có thành mỏng, mặt kim cắt vát 3 mặt, bề mặt kim phủ silicon. Sản phẩm đóng gói vô trùng.	Cái	20.000	
20	VT3.1_2	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa dung tích 50ml, đốc xilanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Piston và vỏ bơm được làm bằng nhựa Polypropylen, không chứa độc tố DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Đóng gói vô trùng	Cái	500	
<b>3.2 Kim tiêm và Các loại kim khác</b>						
21	VT3.2_1	Kim hai cánh bướm các cỡ	Kim 2 Cánh Bướm G23,G25	Cái	2.000	
22	VT3.2_2	Kim chọc dò và gây tê tuỷ sống các số	Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng. - Thành kim mỏng cho dòng chảy tốt - Đốc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn	Cái	1.000	
23	VT3.2_3	Kim chạy thận nhân tạo	Kim chạy thận nhân tạo	Cái	36.000	
24	VT3.2_4	Kim chạy thận nhân tạo an toàn	- Kim đường kính > 1.6mm (16G), dài > 25mm (1") - Kim làm bằng thép không gỉ, bén 3 mặt vát, phủ silicone, thành kim siêu mỏng giúp xuyên da mượt, giảm tổn thương, mau lành. - Có khe cắt hình bầu dục phía sau thân kim giúp tối ưu hóa dòng chảy. - Có bộ phận an toàn Tulip nằm sau cánh giúp tránh tai nạn do kim, - Cánh xoay chắc chắn có lỗ chống trượt "anti slip", mặt trái có nhiều gờ nhỏ để cầm và thao tác	Cái	36.000	



STT	Mã VT	Tên vật tư mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
			<p>hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có điểm đánh dấu đen và đỏ trên cánh giúp xác định vị trí mặt vát kim.</li> <li>- Dây nối chất liệu Polyvinylchloride không Pyrogenic, dài 30cm (30W, 12inch), đường kính trong 3.6mm (0.14"), mềm mại, thể tích mỗi 3ml (0.1 oz)</li> <li>- Đầu nối luer lock thon gọn giảm cản, chắc chắn, tránh tuột dây.</li> </ul>			
25	VT3.2_5	Kim nha khoa 2 đầu	Sử dụng tốt trong kỹ thuật nha khoa	Cái	500	
26	VT3.2_6	Kim khâu da bất bằng thép không gỉ các số	Mũi kim tròn dùng trong khâu da	Cái	500	
27	VT3.2_7	Kim khâu da bất bằng thép không gỉ các số	Mũi kim cạnh dùng trong khâu da	Cái	500	
		<b>3.5 Dây truyền, dây dẫn</b>				
28	VT3.5_1	Mask thở oxy kèm dây	Mask thở oxy kèm dây dài > 2m	Cái	50	
29	VT3.5_2	Dây dẫn lưu trữ silicon các số	Chất liệu 100% Silicon, được tiệt trùng 2 lớp với các kích cỡ; thiết kế ống khác nhau không kèm kim chọc. Có vạch cân quan dọc thành ống dùng dẫn lưu trong phẫu thuật, thủ thuật	Cái	200	
30	VT3.5_3	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Được sản xuất từ chất liệu nhựa Polyvinylchloride, không chứa DEHP. Độ dài dây 75cm Đầu nối khóa ren, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. Sản phẩm đóng gói vô trùng	Cái	800	
31	VT3.5_4	Dây nối bơm tiêm điện 150cm	Được sản xuất từ chất liệu nhựa Polyvinylchloride, không chứa DEHP. Độ dài dây 150cm Đầu nối khóa ren, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. Sản phẩm đóng gói vô trùng	Cái	800	
32	VT3.5_5	Dây bơm dùng cho máy huyết học	Sử dụng được cho máy huyết học NiHon Kolden	Cái	10	
33	VT3.5_6	Dây truyền máu	Dây dài ≥1500mm hoặc điều chỉnh theo yêu cầu, làm từ chất liệu PVC y tế không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200µm, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml. Đầu khóa vận xoắn Luer Lock	cái	600	
34		Dây garo tay	Dạng băng thun, cố định chắc chắn khi làm kỹ thuật	Cái	200	
		<b>Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter</b>				
		<b>4.1 Ống thông</b>				
35	VT4.1_1	Thông tiểu 3 nhánh	3 nhánh. Chất liệu cao su, bề mặt ống phủ Silicone, độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da	Cái	1.500	
36	VT4.1_2	Thông tiểu 2 nhánh	2 nhánh. Chất liệu cao su, bề mặt ống phủ Silicone, độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da	Cái	1.500	



STT	Mã VT	Tên vật tư mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
37	VT4.1_3	Sonde niệu quản	Dùng dẫn lưu thận, niệu quản, bàng quang trong trường hợp mổ sỏi thận, hẹp niệu quản. Bộ gồm Sond JJ, dây dẫn đường	Cái	20	
<b>Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật</b>						
<b>5.2 Chỉ khâu</b>						
<b>5.2.1. Chỉ Tiêu</b>						
38	VT5.2.1_1	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 1/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 40mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Sợi chỉ đạt lực khô nút buộc ban đầu 140%, đạt 80% ở thời điểm 2 tuần và 30% ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khâu. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	Sợi	1.000	
39	VT5.2.1_2	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 2/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 2/0, dài 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Sợi chỉ đạt lực khô nút buộc ban đầu 140%, đạt 80% ở thời điểm 2 tuần và 30% ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khâu. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	Sợi	500	
40	VT5.2.1_3	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 3/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 3/0, dài 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Sợi chỉ đạt lực khô nút buộc ban đầu 140%, đạt 80% ở thời điểm 2 tuần và 30% ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khâu. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	Sợi	500	
<b>5.2.2. Chỉ Nylon</b>						
41	VT5.2.2_1	Chỉ Nylon đơn sợi số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 4/0, dài 75 cm, lớp bao phủ bằng silicon, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	Sợi	500	
42	VT5.2.2_2	Chỉ Nylon đơn sợi số 5/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi liên kim số 5/0 chất liệu Polyamide, lớp bao phủ bằng silicon. Kim làm bằng thép không gỉ, được phủ silicon. Chỉ số 5/0,	Sợi	800	



STT	Mã VT	Tên vật tư mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
			dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 16 mm. Đóng gói vô trùng			
		<b>5.2.3. Chi PT Mắt</b>				
43	VT5.2.3_1	Chỉ khâu nhãn khoa 10/0	Chỉ khâu phẫu thuật mắt liền kim số 10/0, có 2 kim Chỉ không tiêu. Đường kính 0,15mm; Chiều dài chỉ $\geq$ 30cm; Chiều dài kim 6,0mm; 3/8 đường tròn. Đóng gói vô trùng	Sợi	30	
		<b>5.2.4. Chi Lạnh</b>				
44	VT5.2.4_1	Chỉ lạnh	Chỉ lạnh Pháp	Cuộn	30	
		<b>5.3 Dao phẫu thuật</b>				
45	VT5.3_1	Dao mổ mắt 2,8mm	Dao mổ mắt 2,8mm Dao mổ mắt 2.2 - 3.2mm. Kích thước vết mổ 2.2mm bề góc lên, 2 mặt vát Thiết kế tay cầm bề mặt tròn, được đánh bóng điện, Tay cầm làm từ Polycarbonate Đầu lưỡi dao có nắp bảo vệ, lưỡi dao mỏng. Đóng gói vô trùng Được làm từ vật liệu thép không gỉ trong y tế	Cái	250	
46	VT5.3_2	Dao phẫu thuật 15 độ	Dao mổ 15 độ, Tạo độ mở rộng 15 độ, thẳng, 2 mặt vát Tay cầm làm từ Polycarbonate Bề mặt tròn, bề mặt được đánh bóng điện Đầu tip có nắp bảo vệ, lưỡi dao mỏng Chất liệu làm từ thép không gỉ trong y tế Đóng gói trong túi vô trùng	Cái	250	
47	VT5.3_3	Tay dao mổ điện 3 giác	Tay dao mổ lắp phù hợp với dao mổ điện Thường dùng	Cái	20	
		<b>Nhóm 6. Vật liệu thay thế, vật liệu cấy ghép nhân tạo</b>				
		<b>6.3 Thủy tinh thể nhân tạo</b>				
48	VT6.3_1	Thủy tinh thể nhân tạo mềm ngâm nước	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic không ngấm nước (hydrophobic) 3. Màu sắc: Nhuộm vàng tự nhiên; lọc tia cực tím (UV); 4. Chỉ số khúc xạ = 1.53 5. Đặc điểm: Thiết kế 2 càng. Càng dạng chữ C. Bờ vuông 360 độ. 6. Chiều dài thủy tinh thể = 13.0mm 7. Đường kính vùng quang học = 6.0mm 8. Dải công suất: từ +0,0 D đến +40,0 D. 9. Kích thước vết mổ = 2.2mm 10. Thủy tinh thể được đặt sẵn trong dụng cụ đặt kính theo tiêu chuẩn nhà sản xuất	Cái	100	



STT	Mã VT	Tên vật tư mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
49	VT6.3_2	Thủy tinh thể nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể mềm đơn tiêu , một mảnh, lọc tia cực tím.</li> <li>- Càng chữ C điều chỉnh góc O độ. Chất liệu Acrylic ngậm nước.</li> <li>- Hàm lượng nước: 24,5 - 27,5%</li> <li>- Vật liệu của kính không gây ra hiện tượng phản quang.</li> <li>- Thiết kế thấu kính lồi, phi cầu đôi.</li> <li>- Đường kính optic 6.0mm, chiều dài 13mm.</li> <li>- Chỉ số khúc xạ: 1.458. Độ sâu tiền phòng: 5.40mm</li> <li>- Giá trị MTF: <math>\geq 0,43</math>.</li> <li>- Hằng số A (SRK II: 118,6 <math>\pm 1\%</math>; SRK/T: 118.4 <math>\pm 1\%</math>)</li> <li>- Hằng số phẫu thuật 1,68 mm.</li> <li>- Dải công suất từ 0,0D đến 30,0D (bước nhảy 0,5D. Có thể đặt hàng các công suất với bước 0,25D</li> <li>- Chỉ số Abbe tại 35 độ C: 57.7 <math>\pm 0,2</math></li> <li>- Kích thước vết mổ: 2.2mm</li> <li>- Đóng gói: vô khuẩn, đóng gói ướt trong giá đỡ, hộp chứa và đặt trong khay PP</li> <li>- Kèm theo cartridge sử dụng 1 lần</li> </ul>	Cái	100	
<b>Nhóm 7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa</b>						
<b>7.1 Tim mạch và X- quang can thiệp</b>						
<b>7.1.1. Film máy Fujji</b>						
50	VT7.1.1_1	Phim XQ khô 35 x 43 cm	Phim X- quang laser kích thước 35x43 cm. Độ nhạy và độ tương phản được thiết kế phù hợp với hệ thống in phim khô laser Fujji. Mật độ quang tối đa 3.3	Tờ	10.000	
51	VT7.1.1_2	Phim XQ khô 20 x 25 cm	Phim X- quang laser kích thước 20x25 cm. Độ nhạy và độ tương phản được thiết kế phù hợp với hệ thống in phim khô laser Fujji. Mật độ quang tối đa 3.3	Tờ	100.000	
<b>7.1.2. Film máy Castream</b>						
52	VT7.1.2_1	Phim XQ khô laser 8x10 inch	Phim khô laser cỡ 8x10 inch dùng cho máy in phim khô Laser Trimax. Phim được phủ trên nền màu xanh lam, hỗ trợ khoảng 7-mil polyester. Có thể lưu trữ hình ảnh được hơn 100 năm ở nhiệt độ dưới 25°C, độ ẩm 30-50%RH	Tờ	80.000	
53	VT7.1.2_2	Phim XQ khô laser 14x17inch	Phim khô laser cỡ 14x17 inch dùng cho máy in phim khô Laser Trimax. Phim được phủ trên nền màu xanh lam, hỗ trợ khoảng 7-mil polyester. Có thể lưu trữ hình ảnh được hơn 100 năm ở nhiệt độ dưới 25°C, độ ẩm 30-50%RH	Tờ	10.000	
<b>7.1.3. Film máy Konica</b>						
54	VT7.1.3_1	Phim XQ khô 10x12 inch	Phim khô Laser cỡ 10x12 inch (Sử dụng được với hệ thống in phim khô laser Konica)	Tờ	10.000	
<b>7.1.4. Film rửa nước</b>						



STT	Mã VT	Tên vật tư mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú	
55	VT7.1.4_1	Phim XQ 30x40cm	Phim sử dụng trong chụp X Quang , xử lý bằng nước hiện hãm, độ nhạy cao cho hình ảnh rõ nét. Phim có kích thước 30*40.	Tờ	5.000		
		<b>7.1.5. Khác</b>					
56	VT7.1.5_1	Điện cực tim	Chỉ điện cực tim Carepace số 3/0, dài 60 cm, 2 kim (kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 17 mm và kim thẳng dài 88 mm)	Tép	500		
57	VT7.1.5_2	Dây điện não	Phù hợp với máy đo điện não: Nihon - Kohden; EEG 1200K	Bộ	5		
58	VT7.1.5_3	Dây đo lưu huyết não	Phù hợp với máy đo lưu huyết não: Medis; Vaso Screen 5000	Cái	5		
59	VT7.1.5_4	Bóng đèn Halogen đèn mổ	Bóng đèn Halogen 250W/24V. Model: ELC	Cái	20		
60	VT7.1.5_5	Bóng đèn Halogen	Phù hợp với máy xét nghiệm sinh hóa Konelab 20	Cái	15		
		<b>7.2 Lọc máu, lọc màng bụng</b>					
61	VT7.2_1	Quả lọc hấp Phụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thể tích hấp phụ 350 ± 15ml</li> <li>- Thể tích khoang chứa máu 150 - 190ml</li> <li>- Chất liệu vỏ: Polycarbonate</li> <li>- Vật liệu hấp thụ: Hạt nhựa Resin dùng</li> <li>- Tiệt trùng bằng hơi nước</li> <li>Đầu xanh và đầu đỏ dễ dàng phân biệt động mạch - tĩnh mạch.</li> <li>Kèm dây nối với quả lọc thận thường loại mới, dài 1.5m, có kẹp khóa.</li> </ul>	Quả	200		
62	VT7.2_1	Quả lọc máy siêu lọc HDF	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thể tích hấp phụ 350 ± 15ml</li> <li>- Thể tích khoang chứa máu 150 - 190ml</li> <li>- Chất liệu vỏ: Polycarbonate</li> <li>- Vật liệu hấp thụ: Hạt nhựa Resin dùng</li> <li>- Tiệt trùng bằng hơi nước</li> <li>Đầu xanh và đầu đỏ dễ dàng phân biệt động mạch - tĩnh mạch</li> <li>Kèm dây nối với quả lọc thận thường loại mới, dài 1.5m, có kẹp khóa.</li> </ul>	Quả	850		
		<b>7.3 Mắt, Tai Mũi Họng, Răng hàm mặt.</b>					
63	VT7.3_1	Cassette Legion	Cassette sử dụng phù hợp cho máy: Alcon; Legion System	Cái	25		
64	VT7.3_2	Nong ống tuỷ	Chất liệu thép không gỉ.Có chiều dài 18,21,25,28,31mm các số 06,08,10,15,20,25,30,35,40... 140.	Cái	300		
65	VT7.3_3	Rũa ống tuỷ	Chất liệu thép không gỉ.Có chiều dài 18,21,25,28,31mm các số 08,10,15,20,25,30,35,40... 140	Cái	300		
66	VT7.3_4	Trâm gai	Có các màu trắng,vàng,đỏ,xanh dương,xanh lá cây,đen tương ứng với các số 01,02,03,04,05,06 . Chất liệu thép không gỉ	Cái	300		
67	VT7.3_5	Trâm trơn	Chất liệu thép không gỉ.Có các số 000,00,0,1,2,3.	Cái	300		
68	VT7.3_6	Fuji IX	Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp có khả năng phóng thích fluoride, ngăn ngừa sâu răng Có độ giãn nở tương tự mô răng thật giúp giảm thiểu áp lực lên vùng biên của miếng trám. Có độ bền nén và độ bền uốn	hộp	50		



STT	Mã VT	Tên vật tư mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú	
			cao. Chịu độ ẩm tốt.				
69	VT7.3_7	Fuji XII	Sử dụng trong Nha khoa	hộp	50		
70	VT7.3_8	Cotisolmol	Sử dụng trong Nha khoa	Cái	300		
		<b>7.7 Huyết học, truyền máu</b>					
71	VT7.7_1	Giấy in nhiệt Máy sinh hóa huyết học	Kích thước 50 x 3000 x 12mm, chất liệu bằng giấy trắng in nhiệt	Cuộn	100		
72	VT7.7_2	Ống Nghiệm Trisodium Citrate	Ống nghiệm nhựa Polyethylene Terephthalate. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.2%. Nắp đậy ống nghiệm: nắp nhựa, nắp bật	Ống	5.000		
73	VT7.7_3	Ống nghiệm máu thủy tinh các cỡ	Chất liệu thủy tinh dùng để đựng máu xét nghiệm. Thể tích 5ml (đường kính 12mm, cao 80mm, dày 0,6mm)	ống	20.000		
74	VT7.7_4	Ống nghiệm nước tiểu thủy tinh các cỡ	Chất liệu thủy tinh dùng để đựng nước tiểu xét nghiệm. Thể tích 10ml (đường kính 16mm, cao 100mm, dày 0,6mm)	Cái	4.000		
75	VT7.7_5	Ống nghiệm có chứa dung dịch Citrate 3,8%	Ống nghiệm nhựa Polyethylene Terephthalate. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%. Nắp đậy ống nghiệm: nắp nhựa, nắp bật	Ống	5.000		
		<b>Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác</b>					
76	VT8.1_1	Glycerol	(C <sub>3</sub> H <sub>8</sub> ) <sub>3</sub> , ≥99%	Chai	20		
77	VT8.1_2	Túi camera	Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế.	Cái	500		
		<b>9. Sinh phẩm chẩn đoán</b>					
		<b>9.2. Test nhanh Virus, vi khuẩn</b>					
78	VT9.2_1	Test nhanh chẩn đoán bệnh viêm đường ruột do Rotavirus	Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân. - Độ nhạy: 94%; Độ đặc hiệu: 98.3% và tương quan là 96.9% với RT-PCR; Không có phản ứng chéo với liên cầu đường ruột, virus adeno và vi khuẩn E.coli	Test	500		
79	VT9.2_2	Test nhanh chẩn đoán cúm A, B	Test chẩn đoán nhanh cúm A, B; Độ nhạy: 91.8%, Độ đặc hiệu: 99% so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR.	Test	200		
80	VT9.2_3	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.	Test	50		



STT	Mã VT	Tên vật tư mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú	
			- Độ nhạy: 99.3% và Độ đặc hiệu: 99.5% so với TPHA.				
81	VT9.2_4	Test nhanh chẩn đoán HBeAg	Phát hiện định tính sự có mặt kháng nguyên vỏ HBeAg trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,9%	Test	5.000		
82	VT9.2_5	Test nhanh chẩn đoán viêm dạ dày	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA...) kháng H.Pylori trong mẫu huyết thanh, huyết tương; Độ nhạy 95,9%; Độ đặc hiệu 89,6%.	Test	500		
83	VT9.2_7	Test Ure test trong nội soi dạ dày	CLOtest	Test	1.500		
84	VT9.2_6	Khay thử xét nghiệm định tính 4 loại ma túy và chất chuyển hóa ma túy trong nước tiểu con người	Sử dụng phương pháp sắc kí miễn dịch phát hiện định tính ma túy có trong mẫu nước tiểu với ngưỡng phát hiện (cut-off) MET: Methamphetamine 1000ng/ml. AMP: Amphetamine 1000ng/ml THC: Marijuana 50ng/ml MOP: Morphine 300ng/ml Thời gian đọc kết quả: sau 3-5 phút. Độ nhạy: 99.9% Độ đặc hiệu: 99.9%	Cái	500		
		<b>9.3. Vật tư, HC khác</b>					
85	VT9.3_1	Acid Citric (C <sub>6</sub> H <sub>8</sub> O <sub>7</sub> )	Acid Citric (C <sub>6</sub> H <sub>8</sub> O <sub>7</sub> )Tinh khiết > 99%	kg	10.000		
86	VT9.3_2	Javen	Javen 10-12%, có màu hơi vàng, có mùi đặc trưng	lít	3.600		
87	VT9.3_3	Lõi lọc 0,2 Micro	Màng lọc < 0,2 Micro dùng trong hệ thống lọc nước thận nhân tạo	Cái	30		
88	VT9.3_4	Lõi lọc 5 Micro	Màng lọc < 5 Micro dùng trong hệ thống lọc nước thận nhân tạo	Cái	50		
89	VT9.3_5	Đè lưới gỗ tiệt trùng	Que đè lưới gỗ được làm từ gỗ tự nhiên, không lõi, không cong vênh, được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm	hộp	500		
90	VT9.3_6	Muối dùng cho chạy thận	Dạng: Viên; Công Thức: NaCl 99 %; Chức năng: Hoàn nguyên, tái sinh hạt nhựa trao đổi ion	kg	15.000		
91	VT9.3_7	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa Polypropylen nguyên sinh, độ trơn láng cao. Không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng khí EO, không độc hại, không gây kích ứng. Các khớp răng đều, thẳng hàng, gờ không sắc.	Cái	500		



2. Địa điểm cung cấp: Các vật tư, hàng hóa được giao tại kho vật tư của Khoa Dược Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân, hàng hóa phải đảm bảo chất lượng, bảo quản và vận chuyển theo tiêu chuẩn, yêu cầu của nhà sản xuất.
3. Thời gian giao hàng dự kiến : Giao hàng chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng : Bệnh viện sẽ hoàn thành nghĩa vụ thanh toán trong vòng 90 kể từ khi nhà thầu cung cấp đầy đủ hàng hóa và các hồ sơ thanh toán cần thiết.
5. Các thông tin khác : Không

*Thọ Xuân, ngày 01 tháng 11 năm 2023*



**Phùng Sỹ Thường**